

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000018 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới do thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn đầu tư với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 18 tháng 10 năm 2015.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại : 0711. 3879607
- Fax : 0711. 3879607

Các Đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy đường Phụng Hiệp	Số 10 đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
Xí nghiệp đường Vị Thanh	Số 1284 Trần Hưng Đạo, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Trung tâm Giống Long Mỹ	Ấp 6, Xã Lương Nghĩa, Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện tại Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường;
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường;
- Sản xuất – kinh doanh nước đá;
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê tài sản

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 05 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Nhân	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015
Bà Trần Thị Thái	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thủy	Q. Trưởng ban	Ngày 04 tháng 04 năm 2016	
Ông Trần Văn Hùng	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	Ngày 04 tháng 04 năm 2016
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên	Ngày 04 tháng 04 năm 2016	
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 03 năm 2016	
Ông Trần Vĩnh Chung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 03 năm 2016	
Bà Võ Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	Ngày 01 tháng 06 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Nhân	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 03 năm 2016	
Ông Nguyễn Hoàng Ngoan	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

7. **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh hợp nhất đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị 



Ông NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch

Hậu Giang, ngày 12 tháng 09 năm 2016

Yêu cầu
H. H. H.

M. S. D. A. T. T.

Số: 053/2016/BCKTHN-CT.00139

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 12 tháng 09 năm 2016, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

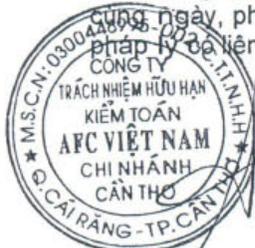
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 09 năm 2016

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/07/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		416.537.210.966	292.761.853.921
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	42.371.149.607	11.467.650.627
Tiền	111		42.071.149.607	11.367.650.627
Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	100.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.000.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	42.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130		102.996.060.453	58.231.715.883
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	46.925.724.118	38.544.876.486
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	23.623.597.076	9.700.897.450
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	72.222.725.357	38.402.631.223
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(39.918.038.983)	(28.680.295.412)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	142.052.885	263.606.136
Hàng tồn kho	140	5.8	224.282.748.692	222.832.431.877
Hàng tồn kho	141		224.324.489.699	222.832.431.877
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.741.007)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.887.252.214	230.055.534
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	2.031.841.049	226.940.037
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.18	2.855.411.165	3.115.497
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

33004
TRÁCI
K
APC
C
AFR
T.H

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/07/2015
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		423.434.996.942	346.501.122.156
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	9.660.420.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	-	9.660.420.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		328.060.028.586	277.414.831.880
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	270.689.260.617	222.221.516.611
Nguyên giá	222		1.084.727.512.588	857.485.112.020
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(814.038.251.971)	(635.263.595.409)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	57.370.767.969	55.193.315.269
Nguyên giá	228		93.876.439.062	86.686.347.864
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.505.671.093)	(31.493.032.595)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.037.600.150	4.580.944.838
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.037.600.150	4.580.944.838
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		39.977.315.001	40.318.222.188
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.13	35.797.315.001	34.503.884.562
Đầu tư dài hạn khác	253	5.13	4.180.000.000	19.372.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254	5.13	-	(13.557.662.374)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		52.360.053.205	14.526.703.250
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	4.204.981.739	5.212.834.924
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	2.530.133.039	8.054.625.483
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.15	45.624.938.427	1.259.242.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		839.972.207.908	639.262.976.077

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
VỊ THANH
HẬU GIANG

C. I. C. P. A
GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/07/2015
NỢ PHẢI TRẢ	300		465.443.479.146	311.756.261.569
Nợ ngắn hạn	310		405.285.048.291	208.594.434.963
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	5.16	10.878.361.501	11.109.783.534
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	194.827.193.224	27.724.769.320
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.18	23.724.893.070	11.192.817.219
Phải trả công nhân viên	314		19.323.598.693	27.466.081.940
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	3.241.578.351	2.086.423.512
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	25.135.056.729	15.630.235.374
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21.1	119.380.130.096	92.267.844.211
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.22	-	7.881.024.452
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.23	8.774.236.627	13.235.455.401
Quỹ bình ổn giá	323			
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		60.158.430.855	103.161.826.606
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		75.000.000	75.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21.2	50.668.771.228	77.819.356.996
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	5.24	9.414.659.627	25.267.469.610

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 VỊ THANH - HẬU GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/07/2015
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		374.528.728.762	327.506.714.508
Vốn chủ sở hữu	410		374.528.728.762	327.506.714.508
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.25	130.805.470.000	130.805.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	5.25	130.441.670.000	130.441.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	5.25	363.800.000	363.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	5.25	91.713.511	91.713.511
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	5.25	45.531	45.531
Cổ phiếu quỹ	415	5.25	(10.149.800.000)	(10.149.800.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.25	138.098.445.561	137.867.254.614
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421	5.25	105.353.217.938	57.007.355.764
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	5.25	37.296.954.239	36.604.016.250
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.25	68.056.263.699	20.403.339.514
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.26	10.329.636.221	11.884.675.088
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		839.972.207.908	639.262.976.077

PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu

TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 12 tháng 09 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.507.015.536.289	1.561.307.499.480
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	5.907.557.986	9.454.025.329
Doanh thu thuần	10		1.501.107.978.303	1.551.853.474.151
Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.389.793.320.161	1.454.625.795.077
Lợi nhuận gộp	20		111.314.658.142	97.227.679.074
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	7.256.128.328	5.948.306.647
Chi phí tài chính	22	6.5	14.991.537.825	22.943.515.006
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.989.474.621</i>	<i>15.828.736.272</i>
Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		1.293.430.439	6.219.050.475
Chi phí bán hàng	25	6.6	19.784.440.900	13.634.558.573
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	24.888.363.202	28.869.106.232
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		60.199.874.982	43.947.856.385
Thu nhập khác	31	6.8	1.119.477.569	6.596.819.618
Chi phí khác	32	6.9	701.678.720	529.668.440
Lợi nhuận khác	40		417.798.849	6.067.151.178
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.617.673.831	50.015.007.563
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.709.727.937	12.185.715.461
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5.524.492.444	(4.414.654.120)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.383.453.450	42.243.946.222
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		50.254.614.710	41.325.592.150
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.128.838.740	918.354.072
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	3.620	2.847


PHAN THỊ HỒNG YẾN
 Người lập biểu


TRẦN MỘNG NGỌC
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THÀNH LONG

Tổng Giám Đốc
 Hậu Giang, ngày 12 tháng 09 năm 2016



BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		60.617.673.831	50.015.007.563
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		72.031.275.384	74.205.895.100
Các khoản dự phòng	03		(2.157.965.754)	9.393.413.628
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	28.674.076
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.871.239.935)	(5.005.108.402)
Chi phí lãi vay	06		14.989.474.621	15.828.736.272
Các điều chỉnh khác	07		(15.852.809.983)	(3.054.937.193)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		123.756.408.164	141.411.681.044
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(79.816.070.111)	(11.769.308.276)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.468.225.403	82.402.514.225
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		148.655.245.836	(602.399.484)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(295.606.947)	2.841.835.343
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.051.366.048)	(16.384.057.989)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.123.509.309)	(8.674.392.495)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.040.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.794.811.249)	(3.899.390.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		160.810.555.739	185.326.481.725
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.501.206.063)	(32.263.345.104)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		432.727.273	513.636.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(42.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(62.860.609.433)	(7.632.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		24.500.000.000	14.490.630.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.438.512.662	4.768.289.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(109.990.575.561)	(20.122.789.220)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		771.408.830.513	622.934.992.716
Tiền trả nợ gốc vay	34		(771.447.130.396)	(765.767.308.727)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.878.181.315)	(47.831.805.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.916.481.198)	(190.664.121.196)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		30.903.498.980	(25.460.428.691)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60		11.467.650.627	36.956.753.394
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(28.674.076)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		42.371.149.607	11.467.650.627

PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu

TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH LONG

Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 12 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và các công ty con gồm:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ
- Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ
- Công ty CP Mía Đường Tây Nam

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn là sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn trong năm 2016 như sau:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường;
- Đường;
- Sản xuất – kinh doanh nước đá;
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Sản xuất bao bì;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất và kinh doanh dưỡng khí và khí gas công nghiệp.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và các công ty con như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ
- Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam

Các Công ty con được hợp nhất trong năm tài chính này bao gồm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ	Số 104, đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	- Đại lý du lịch; - Điều hành tua du lịch; - Đại lý vé máy bay	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	Số 103 Nguyễn Trãi, Phường An Hội, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	- Gia công cơ khí; - Xây lắp các công trình dân dụng. - Kinh doanh khí hóa lỏng	66,48%	66,48%	66,48%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
Công ty CP Mía Đường Tây Nam	Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất kinh doanh đường. - Sản xuất phân bón vi sinh, sản phẩm sau đường. - Sản xuất kinh doanh mía và nông sản. 	67,40%	67,40%	67,40%

Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp đường và các sản phẩm ngành mía đường	32,58%	32,58%	32,58%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần X năm 2015 của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ vào ngày 26 tháng 05 năm 2015 về việc quyết định thay đổi niên độ kế toán.

Theo nội dung Nghị quyết này thì niên độ kế toán của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 của năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề. Thời gian chuyển giao bắt đầu vào ngày 01 tháng 07 năm 2015.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất thay thế thông tư số 161/2007 ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Do vậy, số liệu làm cơ sở so sánh được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 1.227 người (30/06/2015: 1.217 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ 01 tháng 07 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND") do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư này và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và các công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ, Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ và Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam (công ty con) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lỗ đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm. Trường hợp số lợi thế thương mại bị tổn thất trong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

năm cao hơn số phân bổ hàng năm theo phương pháp đường thẳng thì thực hiện phân bổ theo số bị tổn thất.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	02 – 22 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp đối với quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao từ 03 đến 50 năm.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp đối với quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn với người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.10 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Tập đoàn còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

4.11 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Handwritten notes in red ink on the right margin, including the number 902 and other illegible characters.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ưu đãi thuế đối với Công ty mẹ

Theo công văn 1051/CT-TTHT ngày 07 tháng 07 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Hậu Giang thì thu nhập của Công ty từ hoạt động chế biến mía nguyên liệu tại Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang được áp dụng thuế suất 10% và thu nhập từ hoạt động chế biến mía nguyên liệu tại huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản thu nhập khác được tính theo thuế suất phổ thông trước ngày 31/12/2015 là 22%.

Các khoản thu nhập khác được tính theo thuế suất phổ thông năm 2016 là 20%.

Ưu đãi thuế đối với Công ty con là Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư đã được thay đổi số 57221000070 ngày 17/11/2008 do Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp, Công ty con được hưởng các chính sách ưu đãi sau:

Đối với các lĩnh vực sản xuất trong Khu công nghiệp được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15%, áp dụng trong 12 năm, kể từ khi phương án cổ phần hóa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, Công ty con được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Đây là năm thứ 6 Công ty con được giảm 50% mức ưu đãi thuế suất này.

Đối với dự án mới đầu tư hệ thống sản xuất oxygen và nitrogen tại khu Công Nghiệp Trà Nóc 1 thì được miễn thuế 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại. Đây là năm thứ 4 Công ty con được giảm 50% so với mức thuế suất 22% và kể từ ngày 01/01/2016 áp dụng mức thuế suất 20%.

Các khoản thu nhập khác được tính theo thuế suất phổ thông trước ngày 31/12/2015 là 22%.

Các khoản thu nhập khác được tính theo thuế suất phổ thông năm 2016 là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.



4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: phải trả người bán, chi phí phải trả, vay và nợ thuế tài chính và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá

trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Công ty liên kết Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Tiền mặt – VND	935.914.368	495.623.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	41.068.329.599	10.754.669.966
- USD	(i) 50.698.640	117.356.731
Tiền đang chuyển – VND	16.207.000	-
Các khoản tương đương tiền – VND	300.000.000	100.000.000
	42.371.149.607	11.467.650.627

(i) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	2.372,33	50.698.640
	2.372,33	50.698.640

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/07/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-
	42.000.000.000	42.000.000.000	-	-

(i) Đây là giá trị của các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN Cần Thơ có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2016	01/07/2015
	VND	VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương mại Thực Phẩm Hồng Yến	3.060.900.000	3.060.900.000
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Kiên Giang	1.766.670.000	-
Công ty TNHH Tập Đoàn Thương Mại Vận Chuyển Xây Dựng Sĩ Thành Phú	2.121.627.414	-
Cơ Sở Vị Thị Kim Mai	4.084.170.000	4.084.170.000
Cơ sở Văn Mỹ Hằng	3.700.165.000	3.700.165.000
Cơ Sở Nguyễn Thanh Xuân	3.464.380.350	3.464.380.350
Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.757.850.000	-
Các đối tượng khác	20.969.961.354	24.235.261.136
	46.925.724.118	38.544.876.486

Tập đoàn đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng HSBC – Chi nhánh Cần Thơ bằng khoản phải thu và phải thu khác có giá trị ít nhất 2.000.000 USD tương đương khoảng 44.700.000.000 VND.

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2016	01/07/2015
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng - ứng tiền mua thành phẩm	9.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Tấn Đạt	3.396.250.000	3.147.826.000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Vượng Chung	2.586.109.000	1.994.014.800
Công ty Xây dựng Tiến Quân	612.512.266	612.512.266
Công ty TNHH Tài Lợi	1.034.703.200	-
Công ty TNHH Đại Tín Phát	-	273.600.000
Các đối tượng khác	6.994.022.610	3.672.944.384
	23.623.597.076	9.700.897.450

5.5 Các khoản phải thu khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016		01/07/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan				
Thành viên chủ chốt - Phải thu tạm ứng	3.896.597.920	-	4.842.382.920	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	10.399.902.267	-	8.179.799.670	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức	-	-	151.470.000	-
Phải thu tiền bán cổ phần	28.938.020.000	-	4.948.020.000	-
Các khoản phải thu dự án trung tâm xây dựng giống Long Mỹ				
Trung tâm giống Long Mỹ	458.348.461	-	458.348.461	-
Công đoàn cơ sở	7.092.500.000	-	6.746.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	30/06/2016		01/07/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các đối tượng công nợ trước cổ phần hóa	1.486.295.025	-	-	-
Công ty TNHH Kiên Dũng	2.244.077.395	-	-	-
Phải thu tiền bồi thường	8.874.131.481	(8.564.259.817)	8.717.169.410	(2.676.421.551)
Phải thu Bảo hiểm xã hội	20.038.665	-	32.647.146	-
Phải thu Bảo hiểm y tế	6.567.480	-	6.121.336	-
Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp	4.378.320	-	4.080.890	-
Phải thu khác	5.254.822.519	(1.566.779.464)	769.045.566	-
	72.222.725.357	(10.131.039.281)	38.402.631.223	(2.676.421.551)

Tập đoàn đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng HSBC – CN Cần Thơ bằng khoản phải thu và phải thu khác có giá trị ít nhất 2.000.000 USD tương đương khoảng 44.700.000.000 VND.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2016		01/07/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền bán cổ phần	-	-	9.660.420.000	-
	-	-	9.660.420.000	-

5.6 Nợ xấu

Các khoản nợ phải thu quá hạn thu hồi

	30/06/2016		01/07/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Nợ phải thu chưa quá hạn 3 năm nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu tiền ứng trước cho khách hàng	15.000.000	-	-	-
Phải thu tiền bồi thường hàng thiếu	8.136.561.336	-	-	-
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Cơ Sở Vị Thị Kim Mai	4.084.170.000	-	4.084.170.000	-
Cơ sở Văn Mỹ Hằng	3.700.165.000	-	3.700.165.000	-
Cơ Sở Nguyễn Thanh Xuân	3.464.380.350	-	3.464.380.350	-
Công ty TNHH Tài Lợi	1.034.703.200	-	-	-
Công ty Xuất Nhập Khẩu Thiết Bị Toàn Bộ	163.006.332	-	-	-
Ông Tạ Hoàng Gia	644.500.673	-	-	-
Ông Nguyễn Thanh Mộng	187.753.790	-	-	-
Phải thu tiền bán hàng của khách hàng khác	13.732.802.084	-	13.967.782.519	-
Phải thu tiền ứng trước cho khách hàng	491.435.592	-	491.435.592	-
Phải thu khác	3.835.862.145	-	295.940.400	-
Nợ quá hạn từ 1 năm dưới 2 năm				
Phải thu tiền bồi thường hàng thiếu	634.508.371	206.809.890	8.607.467.636	5.931.046.085
	40.124.848.873	206.809.890	34.611.341.497	5.931.046.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/07/2015	(28.680.295.412)	-	(28.680.295.412)
Trích lập dự phòng bổ sung	(11.814.434.200)	-	(11.814.434.200)
Hoàn nhập dự phòng	576.690.629	-	576.690.629
Tại ngày 30/06/2016	(39.918.038.983)	-	(39.918.038.983)

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Hàng tồn kho	142.052.885	263.606.136
	142.052.885	263.606.136

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/07/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	783.083.918	-	512.758.116	-
Nguyên liệu, vật liệu	28.745.525.111	(41.741.007)	19.904.824.132	-
Công cụ, dụng cụ	462.090.487	-	281.544.421	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.878.517.878	-	11.578.675.058	-
Thành phẩm	182.877.003.397	-	189.099.050.357	-
Hàng gửi bán	-	-	5.492.303	-
Hàng hóa	1.578.268.908	-	1.450.087.490	-
	224.324.489.699	(41.741.007)	222.832.431.877	-

Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam như sau:

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Thành phẩm	180.221.636.056	179.588.425.163
	180.221.636.056	179.588.425.163

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Chi phí sửa chữa	1.910.821.488	-
Chi phí thuê đất	-	86.241.762
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	49.626.145
Chi phí khác	121.019.561	91.072.130
	2.031.841.049	226.940.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.893.151.026	5.212.834.924
Chi phí bảo hiểm xe	31.481.054	-
Chi phí sửa chữa bồn oxy	218.277.968	-
Chi phí trả trước khác	62.071.691	-
	<u>4.204.981.739</u>	<u>5.212.834.924</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VI, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/07/2015	183.105.447.981	629.242.120.296	33.234.531.789	3.269.026.338	8.633.985.616	857.485.112.020						
Mua trong năm	114.676.517	19.576.097.189	1.018.223.636	120.460.673	-	20.829.458.015						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.583.555.316	3.536.716.166	506.304.621	35.125.000	-	9.661.701.103						
Giảm do thanh lý	-	(4.173.484.100)	(116.354.919)	(63.227.273)	-	(4.353.066.292)						
Tặng khác (*)	47.422.845.605	146.850.351.624	2.907.267.060	3.923.843.453	-	201.104.307.742						
Tại ngày 30/06/2016	236.226.525.419	795.031.801.175	37.549.972.187	7.285.228.191	8.633.985.616	1.084.727.512.588						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/07/2015	142.599.624.845	459.135.679.908	22.171.001.678	2.723.303.362	8.633.985.616	635.263.595.409						
Khấu hao trong năm	12.511.699.163	49.185.116.704	3.503.831.934	509.979.818	-	65.710.627.619						
Giảm do thanh lý	-	(4.173.484.100)	(116.354.919)	(63.227.273)	-	(4.353.066.292)						
Tặng khác (*)	30.412.757.306	84.779.781.711	1.436.746.865	787.809.353	-	117.417.095.235						
Tại ngày 30/06/2016	185.524.081.314	588.927.094.223	26.995.225.558	3.957.865.260	8.633.985.616	814.038.251.971						
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/07/2015	40.505.823.136	170.106.440.388	11.063.530.111	545.722.976	-	222.221.516.611						
Tại ngày 30/06/2016	50.702.444.105	206.104.706.952	10.554.746.629	3.327.362.931	-	270.689.260.617						
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:												
Tại ngày 01/07/2015	81.179.491.606	246.155.211.950	7.100.247.593	1.797.630.318	8.633.985.616	344.866.567.083						
Tại ngày 30/06/2016	91.170.488.733	355.938.333.564	11.991.648.958	2.176.750.881	8.633.985.616	469.670.091.843						

(*) Đây là giá trị tăng thêm do hợp nhất số dư của Công ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam ngay tại ngày mua.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/06/2016 là 74.211.121.337 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1.284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.11 **Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/07/2015	79.534.019.269	751.579.535	6.400.749.060	86.686.347.864
Mua trong năm	1.830.443.892	-	-	1.830.443.892
Tặng khác (*)	-	636.699.565	-	636.699.565
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	4.722.947.741	-	-	4.722.947.741
Tại ngày 30/06/2016	86.087.410.902	1.388.279.100	6.400.749.060	93.876.439.062
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/07/2015	25.495.350.844	566.061.696	5.431.620.055	31.493.032.595
Tăng trong năm	4.016.186.919	80.732.148	279.019.866	4.375.938.933
Tặng khác (*)	-	636.699.565	-	636.699.565
Tại ngày 30/06/2016	29.511.537.763	1.283.493.409	5.710.639.921	36.505.671.093
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/07/2015	54.038.668.425	185.517.839	969.129.005	55.193.315.269
Tại ngày 30/06/2016	56.575.873.139	104.785.691	690.109.139	57.370.767.969
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Tại ngày 01/07/2015	12.942.787.949	175.579.535	262.312.000	13.380.679.484
Tại ngày 30/06/2016	17.707.868.422	899.279.100	262.312.000	18.869.459.522

(*) Đây là giá trị tăng thêm do hợp nhất số dư của Công ty Cổ Phần Mía Đường Tây Nam ngay tại ngày mua.

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo số sách tại ngày 30/06/2016 là 5.253.028.652 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/07/2015	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Hệ thống máy nén khí kiểu trục vít	-	921.200.000	(921.200.000)	-	-
Cải tạo kho đường số 3	1.914.228.656	2.112.400.910	(4.026.629.566)	-	-
Motor chân đế công suất 500KW	-	1.264.264.902	(1.264.264.902)	-	-
Sửa kho đường số 1	258.052.159	685.454.545	(943.506.704)	-	-
Quyền sử dụng đất	-	4.722.947.741	(4.722.947.741)	-	-
Hệ thống máy ép ULKAR	-	416.190.940	-	-	416.190.940
Hệ thống sàng sấy đường 500 tấn	149.933.953	-	-	-	149.933.953
Bản vẽ xây dựng văn phòng xí nghiệp Vị Thanh	60.363.636	11.490.890	-	-	60.363.636
Gia công 05 băng tải ngang di động	208.736.459	954.545.455	(220.227.349)	-	-
Mua xe tải	-	1.792.664.800	-	-	954.545.455
Các công trình khác	1.989.629.975	1.792.664.800	(2.285.872.582)	(39.856.027)	1.456.566.166
	4.580.944.838	12.881.160.183	(14.384.648.844)	(39.856.027)	3.037.600.150

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2016			01/07/2015		Giá trị hợp lý VND
	Giá trị sổ sách VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị sổ sách VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	35.797.315.001	-	34.503.884.562	-	-	
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	22.617.000.000	-	(*) 22.617.000.000	-	-	(*)
Chênh lệch hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	13.180.315.001	-	11.886.884.562	-	-	
Đầu tư dài hạn khác	4.180.000.000	-	19.372.000.000	(13.557.662.374)		
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam	-	-	15.192.000.000	(13.557.662.374)	-	(*)
Tổng Công ty Mía Đường Số 1	202.000.000	-	(*) 202.000.000	-	-	(*)
Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre	3.978.000.000	-	(*) 3.978.000.000	-	-	(*)
	39.977.315.001	-	53.875.884.562	(13.557.662.374)		

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	(13.557.662.374)	(6.405.217.054)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(7.152.445.320)
Điều chỉnh giá trị dự phòng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Mía Đường Tây Nam	13.557.662.374	-
Số dư cuối năm	-	(6.405.217.054)

Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng		
- Bán phụ phẩm, phế phẩm	63.304.500	-
- Cổ tức được chia	3.257.500.000	5.015.000.000
- Ứng trước tiền mua thành phẩm	9.000.000.000	230.486.112

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.14 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2016	01/07/2015
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Chi phí dự phòng nợ phải thu	2.454.440.952	6.026.809.753
- Chi phí trích trước	55.091.723	192.521.034
- Chi phí dự phòng phải trả Nhà máy đường Phụng Hiệp	-	1.069.258.376
- Chi phí dự phòng phải trả Xí nghiệp đường Vị Thanh	-	766.036.320
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi (lỗ) tính thuế chưa sử dụng		
- Lãi chưa thực hiện từ việc mua bán tài sản trong nội bộ tập đoàn	20.600.364	-
	2.530.133.039	8.054.625.483

5.15 Lợi thế thương mại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.259.242.843	1.539.074.585
Phát sinh trong năm	66.595.083.570	-
Phân bổ trong năm	(1.944.708.832)	(279.831.742)
Giảm do thoái một phần vốn trong năm	(20.284.679.154)	-
Số dư cuối năm	45.624.938.427	1.259.242.843

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/07/2015
	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Xây Dựng Thiết Kế Nội Thất An Thơ	1.050.000.000	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Trần Trung Hiếu	804.281.042	-
Ông Lê Văn Huỳnh	706.636.062	-
Công ty TNHH Giấy Xuân Mai	460.619.480	-
Công ty TNHH SX-TM Tân Hiệp Hưng	-	215.172.240
Công ty TNHH Ngũ Hiệp	355.050.498	3.671.684.248
Công ty TNHH Kings GraTing	-	686.558.761
Công ty Cổ phần Gas Việt Nhật	1.131.296.056	534.032.175
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.370.478.363	6.002.336.110
	10.878.361.501	11.109.783.534



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.17 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Trả trước của các bên liên quan		
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	652.575.000	-
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Trí Thanh	23.203.760.600	-
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Tập Đoàn Thương Mại Vận Chuyển Xây Dựng Sĩ Thành Phú	3.888.176.842	336.251.842
Công ty CP Đồng Tâm	1.000.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	23.707.029.900	-
Cơ sở Đỗ Văn Sơn	-	3.842.600.000
Các đối tượng khác	102.375.650.882	23.545.917.478
	<u>194.827.193.224</u>	<u>27.724.769.320</u>

SỐ
 IRÁC
 I
 AFI
 C
 T/R.
 hót
 TY
 AN
 ON
 TH
 T.H

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- (a) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang theo hợp đồng tín dụng số 13/2015/HĐTDHM/NHCT821-CASUCO ký ngày 2 tháng 11 năm 2015, chi tiết như sau:

Hạn mức	:	300.000.000.000 VND
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	:	12 tháng
Lãi suất vay	:	5,5%/năm
Hình thức đảm bảo	:	Thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và hàng tồn kho với tổng giá trị được định giá là 43.353.660.326 VND. Tại ngày 30/06/2016, giá trị còn lại của tài sản đem thế chấp là 13.293.020.923 VND. Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho tại ngày 30/06/2016 với tổng giá trị 180.221.636.056 VND.

- (b) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TNHH HSBC - CN Cần Thơ theo thỏa thuận chung về tiện ích số DNI 151294 ký ngày 22 tháng 06 năm 2015, chi tiết như sau:

Hạn mức	:	2.000.000 USD hoặc giá trị VND tương đương 1.000.000 USD hoặc giá trị VND tương đương
Mục đích vay	:	Tài trợ mua nguyên vật liệu nhập khẩu
Thời hạn vay	:	Dưới 12 tháng
Lãi suất vay	:	5,5%/năm
Hình thức đảm bảo	:	Bảo đảm bằng khoản phải thu của Công ty mẹ có giá trị ít nhất 2.000.000 USD có giá trị tương đương khoản 44.700.000.000 VND.

C. O. M. S. C. N. V.

839/16
C. O. M. S. C. N. V.
C. O. M. S. C. N. V.
C. O. M. S. C. N. V.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

5.21.2 Vay dài hạn

	30/06/2016		01/07/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Hậu Giang	12.843.964.411	12.843.964.411	17.981.550.179	17.981.550.179
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô	817.000.000	817.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	15.339.209.110	15.339.209.110	21.339.209.110	21.339.209.110
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	17.136.183.475	17.136.183.475	23.636.183.475	23.636.183.475
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	32.500.000.000	32.500.000.000	42.500.000.000	42.500.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng TMCP Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Hậu Giang	(27.967.585.768)	(27.967.585.768)	(27.637.585.768)	(27.637.585.768)
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô	(5.137.585.768)	(5.137.585.768)	(5.137.585.768)	(5.137.585.768)
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô	(330.000.000)	(330.000.000)	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
	50.668.771.228	50.668.771.228	77.819.356.996	77.819.356.996

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 30/06/2016			
Vay dài hạn ngân hàng			
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Hậu Giang	(a) 12.843.964.411	5.137.585.768	7.706.378.643
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	(b) 15.339.209.110	6.000.000.000	9.339.209.110
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	(c) 17.136.183.475	6.500.000.000	10.636.183.475
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	(d) 32.500.000.000	10.000.000.000	22.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tây Đô	(e) 817.000.000	330.000.000	487.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác			
	78.636.356.996	27.967.585.768	50.668.771.228



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- (d) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 016/2014-HĐTDDA/NHCT821-CASUCO ngày 25/7/2014 từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang
- Mục đích vay : Bù đắp các chi phí cho dự án "đổi mới chi phí tinh lọc đường RE"
 Thời hạn vay : 5 năm
 Lãi suất vay : 9,5%/năm
 Hình thức đảm bảo : Bảo đảm vay bằng chính dây chuyền đường RE có nguyên giá là 92.927.056.155 VND. Tại ngày 30/06/2016 giá trị còn lại của tài sản đem thế chấp là 58.679.710.289 VND.
- (e) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô theo hợp đồng Số: 02/2015-HĐTĐ/NHCT824-CTCPCOKHIDIENMAY được ký kết ngày 29 tháng 12 năm 2015.
- Mục đích : Bù đắp và thanh toán tiền mua vỏ chai chứa khí oxy, nito
 Thời hạn vay : 36 tháng
 Lãi suất vay : 10%/năm
 Hình thức đảm bảo : Thế chấp tài sản là xe ô tô và bồn oxy với tổng giá trị theo sổ sách của tài sản thế chấp có nguyên giá 2.405.551.406 VND, giá trị còn lại 2.082.335.294 VND.

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

5.22 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	01/07/2015	Số sử dụng trong năm	30/06/2016
	VND	VND	VND
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	7.881.024.452	(7.881.024.452)	-
	7.881.024.452	(7.881.024.452)	-

5.23 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/07/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng từ lợi ích cổ đông không kiểm soát/ Tăng khác	Chi quỹ trong năm	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	4.993.947.856	2.426.607.966	12.040.000	(6.244.415.000)	1.188.180.822
Quỹ phúc lợi	4.541.675.579	199.433.703	100.566.297	(1.001.876.355)	3.839.799.224
Quỹ phúc lợi xã hội	3.119.702.533	996.840.318	-	(370.286.270)	3.746.256.581
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	580.129.433	598.104.191	-	(1.178.233.624)	-
	13.235.455.401	4.220.986.178	112.606.297	(8.794.811.249)	8.774.236.627

5.24 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/07/2015	25.267.469.610	-	25.267.469.610
Hoàn nhập quỹ	(15.852.809.983)	-	(15.852.809.983)
Tại ngày 30/06/2015	9.414.659.627	-	9.414.659.627

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

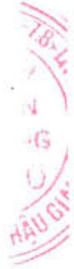
5.25 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vào ngày 01/07/2014	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	103.789.366.279	33.488.571.684	52.645.528.894	310.670.895.899
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	41.325.592.150	41.325.592.150
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	-	1.600.032.986	-	(1.600.032.986)	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(31.245.987.500)	(31.245.987.500)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.126.238.269)	(5.126.238.269)
Phân loại lại tại ngày 01/01/2015 (*)	-	-	-	-	32.477.855.349	(33.488.571.684)	1.010.716.335	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.222.860)	(2.222.860)
Vào ngày 30/06/2015	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	137.867.254.614	-	57.007.355.764	315.622.039.420
Tại ngày 01/07/2015	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	137.867.254.614	-	57.007.355.764	315.622.039.420
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	50.254.614.710	50.254.614.710
Ảnh hưởng dự phòng thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Mía Đường Tây Nam	-	-	-	-	-	-	13.557.662.374	13.557.662.374
Lãi từ thoái vốn	-	-	-	-	-	-	4.243.986.615	4.243.986.615
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	231.190.947	-	(231.190.947)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.220.986.178)	(4.220.986.178)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(15.258.224.400)	(15.258.224.400)
Vào ngày 30/06/2016	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	138.098.445.561	-	105.353.217.938	364.199.092.541

(*) Phân loại lại số dư theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cán Thơ Cameco ngày 10 tháng 06 năm 2015 quyết định hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.



Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2016		01/07/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà Nước	36.091.920.000	27,59	36.091.920.000	27,59
Ông Nguyễn Thành Long	11.119.750.000	8,50	11.119.750.000	8,50
Bà Nguyễn Ái Nhu Giang	8.967.500.000	6,86	8.744.600.000	6,69
Công ty Kim Hà Việt	8.080.920.000	6,18	8.080.920.000	6,18
Công ty Thành Thành Công	8.408.970.000	6,43	8.408.970.000	6,43
Cổ phiếu quỹ	3.653.600.000	2,79	3.653.600.000	2,79
Vốn các cổ đông khác	54.482.810.000	41,65	54.705.710.000	41,82
	130.805.470.000	100,00	130.805.470.000	100,00

Cổ phiếu

	30/06/2016	01/07/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.080.547	13.080.547
• Cổ phiếu phổ thông	13.044.167	13.044.167
• Cổ phiếu ưu đãi	36.380	36.380
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(365.360)	(365.360)
• Cổ phiếu phổ thông	(364.600)	(364.600)
• Cổ phiếu ưu đãi	(760)	(760)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.715.187	12.715.187
• Cổ phiếu phổ thông	12.679.567	12.679.567
• Cổ phiếu ưu đãi	35.620	35.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.26 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	11.884.675.088	10.822.622.088
Phát sinh tăng trong năm	1.128.838.740	1.877.593.497
Phát sinh giảm trong năm	(2.683.877.607)	(815.540.497)
Số dư cuối năm	10.329.636.221	11.884.675.088

5.27 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.27.1 Ngoại tệ các loại

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Dollar Mỹ (USD)	2.372,33	5.490,36

5.27.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	30/06/2016	01/07/2015
Bà Lê Thị Lan	Không có khả năng thu hồi	348.000.000	348.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Không có khả năng thu hồi	542.452.754	542.452.754
Ông Nguyễn Văn Hào	Không có khả năng thu hồi	400.000.000	400.000.000
Công ty Tư vấn Đầu Tư Kỹ Thuật cơ Điện Arinco	Không có khả năng thu hồi	253.079.746	253.079.746
Các khách hàng khác	Không có khả năng thu hồi	726.920.660	726.920.660
		2.270.453.160	2.270.453.160

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	12.082.354.030	6.651.587.909
Doanh thu thành phẩm	1.485.357.717.658	1.546.140.228.833
Doanh thu dịch vụ	3.992.258.763	3.073.623.917
Doanh thu khác	5.583.205.838	5.442.058.821
	1.507.015.536.289	1.561.307.499.480

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.596.301.007	2.903.901.996
Giảm giá hàng bán	39.856.027	-
Hàng bán bị trả lại	1.271.400.952	6.550.123.333
	5.907.557.986	9.454.025.329

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.867.165.480	5.024.236.639
Giá vốn thành phẩm	1.376.002.387.059	1.447.159.421.785
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.882.026.615	2.442.136.653
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	41.741.007	-
	1.389.793.320.161	1.454.625.795.077

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.530.252.828	214.151.520
Lãi trả chậm	1.286.316.666	1.546.272.083
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.291.478.000	2.651.470.000
Lãi tiền cho ứng vốn cho Công đoàn cơ sở	616.781.834	532.681.833

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ	-	411.769
Doanh thu hoạt động tài chính khác	531.299.000	1.003.319.442
	7.256.128.328	5.948.306.647
6.5 Chi phí tài chính		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.989.474.621	15.828.736.272
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	7.114.142.613
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.063.204	636.121
	14.991.537.825	22.943.515.006
6.6 Chi phí bán hàng		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.254.211.984	2.058.776.175
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.425.311.619	2.717.125.175
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	6.086.295.172	4.014.650.162
Chi phí bán hàng khác	9.018.622.125	4.844.007.061
	19.784.440.900	13.634.558.573
6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.745.325.679	12.813.307.166
Chi phí vật liệu quản lý	54.809.485	170.337.598
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.371.117	256.125.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.387.316.427	8.312.164.333
Thuế, phí và lệ phí	957.245.262	452.214.393
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu	5.659.932.591	2.775.995.044
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng trợ cấp thôi việc	(313.800.984)	-
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	(15.852.809.983)	(10.773.134.174)
Phân bổ lợi thế thương mại	1.944.708.832	279.831.742
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.167.264.776	14.582.264.746
	24.888.363.202	28.869.106.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	432.727.273	111.891.049
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	513.636.364
- Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	432.727.273	(401.745.315)
Thu bán phế liệu	-	3.857.541.937
Cho thuê mặt bằng, thuê đất	-	45.545.455
Thu nhập khác	686.750.296	2.581.841.177
	1.119.477.569	6.596.819.618

6.9 Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	1.073.231	426.289.810
Chi phí khác	700.605.489	103.378.630
	701.678.720	529.668.440

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của công ty mẹ	50.254.614.710	41.325.592.150
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.220.986.178)	(5.126.238.269)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	46.033.628.532	36.199.353.881
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.715.187	12.715.187
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.620	2.847

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.201.705.044.351	1.202.063.282.836
Chi phí nhân công	118.126.074.488	95.678.458.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.086.566.552	74.205.895.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.535.673.549	21.512.623.119
Chi phí khác	37.044.330.421	44.351.776.539
	1.455.497.689.361	1.437.812.035.657

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản

nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản cho vay, các khoản phải thu đã được trình bày.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	119.380.130.096	50.668.771.228	170.048.901.324
Phải trả người bán	10.878.361.501	-	10.878.361.501
Chi phí phải trả	3.241.578.351	-	3.241.578.351
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.510.708.517	75.000.000	22.585.708.517
	156.010.778.465	50.743.771.228	206.754.549.693
Ngày 01 tháng 07 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	92.267.844.211	77.819.356.996	170.087.201.207
Phải trả người bán	11.109.783.534	-	11.109.783.534
Chi phí phải trả	2.086.423.512	-	2.086.423.512
Phải trả khác	10.926.095.598	75.000.000	11.001.095.598
	116.390.146.855	77.894.356.996	194.284.503.851

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp khoản phải thu hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.3, 5.5, 5.8, 5.10 và 5.11).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2016 và 01/07/2015.

iv. Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2016	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 30 tháng 06 năm 2016	Ngày 30 tháng 06 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	21.944.206.684	13.328.378.617	21.944.206.684	13.328.378.617
Phải thu các bên liên quan	3.896.597.920	4.842.382.920	3.896.597.920	4.842.382.920
Các khoản phải thu khác	62.060.701.611	30.883.826.752	62.060.701.611	30.883.826.752
Phải thu dài hạn khác	-	9.660.420.000	-	9.660.420.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư ngắn hạn	42.000.000.000	-	42.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	4.180.000.000	5.814.337.626	4.180.000.000	5.814.337.626
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.371.149.607	11.467.650.627	42.371.149.607	11.467.650.627
	134.452.655.822	75.996.996.542	134.452.655.822	75.996.996.542
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	170.048.901.324	170.087.201.207	170.048.901.324	170.087.201.207
Phải trả bên thứ ba	10.878.361.501	11.109.783.534	10.878.361.501	11.109.783.534
Chi phí phải trả	3.241.578.351	2.086.423.512	3.241.578.351	2.086.423.512
Phải trả khác	22.585.708.517	11.001.095.598	22.585.708.517	11.001.095.598
	206.754.549.693	194.284.503.851	206.754.549.693	194.284.503.851

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 01 tháng 07 năm 2015. Ban Tổng Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác chủ yếu với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng quản trị - Cổ tức được chia	10.458.641.300	3.425.417.130
Ban kiểm soát - Cổ tức được chia	446.292.525	140.365.920
Ban tổng giám đốc - Cổ tức được chia	470.785.800	145.510.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt tại Tập đoàn mẹ như sau:

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Thành viên chủ chốt – Phải thu tạm ứng	3.896.597.920	4.842.382.920
Thành viên chủ chốt – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	198.597.600	174.005.000
Thành viên chủ chốt – Phải trả khác	199.733.504	

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương	1.768.456.678	2.058.950.507
Thù lao	331.000.000	390.500.000
	<u>2.099.456.678</u>	<u>2.449.450.507</u>

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày sau đây:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng		
- Bán phụ phẩm, phế phẩm	63.304.500	-
- Cổ tức được chia	3.257.500.000	5.015.000.000
- Ứng trước tiền mua thành phẩm	9.000.000.000	230.486.112

Công nợ với các bên liên quan

	30/06/2016 VND	01/07/2015 VND
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng - ứng tiền mua thành phẩm	9.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẢN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành 3 bộ phận hoạt động gồm:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đường và các sản phẩm của ngành mía đường.
- Lĩnh vực dịch vụ du lịch.
- Lĩnh vực khác bao gồm: cơ khí, bao bì, tư vấn, thiết kế, sản xuất và kinh doanh khí gas các loại.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

Năm 2016	Mía đường		Du lịch		Khác		Các khoản điều chỉnh		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	1.431.754.914.403	6.833.997.309	67.863.255.779	1.502.227.455.872						
Chi phí bộ phận	(1.366.684.647.965)	(6.496.361.659)	(64.369.797.964)	2.383.004.605	(1.435.167.802.983)					
Kết quả kinh doanh bộ phận	65.070.266.438	337.635.650	3.493.457.815	67.059.652.889						
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-					
Thu nhập hoạt động tài chính	10.464.606.548	23.620.931	552.500.849	7.256.128.328	(3.784.600.000)					
Chi phí hoạt động tài chính	(54.991.337.329)	-	(38.702.743)	(14.991.537.825)	40.038.502.247					
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	1.293.430.439	1.293.430.439					
Lợi nhuận trước thuế	20.543.535.657	361.256.581	4.007.255.921	60.617.673.831	35.705.625.672					
Chi phí thuế thu nhập TNDN hiện hành	3.189.262.711	-	520.465.226	3.709.727.937	-					
Chi phí thuế thu nhập TNDN hoãn lại	5.425.748.583	-	119.344.225	5.524.492.444	(20.600.364)					
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.928.524.363	361.256.581	3.367.446.470	51.383.453.450	35.726.226.036					

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÁN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tình hình tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 như sau:

Vào ngày 30/06/2016	Mía đường VND	Du lịch VND	Khác VND	Các khoản điều chỉnh VND	Cộng VND
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận	724.386.565.082	1.115.204.867	47.867.527.612	72.379.946.018	757.994.892.907
Các khoản đầu tư	45.608.652.562	-	-	36.368.662.439	81.977.315.001
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	769.995.217.644	1.115.204.867	47.867.527.612	(108.748.608.457)	839.972.207.908
Nợ phải trả phân bổ	500.748.985.871	339.052.305	18.856.160.883	(54.500.719.913)	465.443.479.146
Tổng nợ phải trả	500.748.985.871	339.052.305	18.856.160.883	(54.500.719.913)	465.443.479.146

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

Năm 2015	Mía đường VND	Du lịch VND	Khác VND	Các khoản điều chỉnh VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	1.498.766.590.131	6.811.228.684	57.764.186.580	(4.953.405.664)	1.558.388.599.731
Chi phí bộ phận	(1.439.860.607.864)	(7.291.728.544)	(55.118.671.797)	4.673.573.921	(1.497.597.434.284)
Kết quả kinh doanh bộ phận	58.905.982.267	(480.499.860)	2.645.514.783	(279.831.743)	60.791.165.447
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-
Thu nhập hoạt động tài chính	6.261.095.482	20.005.614	651.205.551	(8.771.680.000)	(1.839.373.353)
Chi phí hoạt động tài chính	(23.444.534.818)	-	-	501.019.812	(22.943.515.006)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	14.006.730.475	14.006.730.475
Lợi nhuận trước thuế	41.722.542.931	(460.494.246)	3.296.720.334	5.456.238.544	50.015.007.563
Chi phí thuế thu nhập TNDN hiện hành	11.651.305.353	-	534.410.108	-	12.185.715.461
Chi phí thuế thu nhập TNDN hoãn lại	(4.437.416.113)	-	22.761.993	-	(4.414.654.120)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	34.508.653.691	(460.494.246)	2.739.548.233	5.456.238.544	42.243.946.222

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CÀN THƠ
 Số 128-4 Trần Hưng Đạo, Khu vực V, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Tình hình tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 01 tháng 07 năm 2015 như sau:

	Mía đường		Du lịch		Khác		Các khoản điều chỉnh		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vào ngày 01/07/2015										
Tài sản và nợ phải trả										
Tài sản của bộ phận	549.162.367.639	1.301.653.466	49.595.104.491		598.944.753.889					
Các khoản đầu tư	46.915.924.809	-	-		(1.114.371.707)					
Tài sản không phân bổ					(6.597.702.621)					
Tổng tài sản	596.078.292.448	1.301.653.466	49.595.104.491		7.712.074.328					639.262.976.077
Nợ phải trả phân bổ	296.108.454.054	852.566.283	20.152.878.832		(5.357.637.600)					311.756.261.569
Tổng nợ phải trả	296.108.454.054	852.566.283	20.152.878.832		(5.357.637.600)					311.756.261.569

SHHS
 ĐƠN
 CỔ P
 IA Đ
 AN
 ANH

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8.4 Vấn đề khác

Công ty CP Mía đường Tây Nam là công ty con có những khoản lỗ lũy kế vượt hơn vốn chủ sở hữu, điều này cho thấy có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty con và do đó công ty có thể không có khả năng thực hiện giá trị tài sản hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả trong điều kiện hoạt động bình thường.



PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu



TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 12 tháng 09 năm 2016

TỈNH HẬU GIANG

12/09/2016
CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG
CẦN THƠ